

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hồng Vân

Ông Giang Văn Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân quận Hải An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 62 đường NGT, phường CBi, quận HA, Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 20/580 NGT, phường TT, quận HA, Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Ngô TA; nơi cư trú: Số 62 đường NGT, phường CBi, quận HA, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Ngô TA kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới vào năm 2012. Cả hai làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cát Bi, quận Hải An, Hải Phòng vào ngày 01/8/2012.

Theo chị H, quá trình chung sống, vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh TA thiếu trách nhiệm với vợ con; không chăm lo về kinh tế cho gia đình. Bên cạnh đó, về phía chị H không có sự tin tưởng đối với chồng trong tình cảm khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng bất đồng, căng thẳng. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên ngăn, hòa giải nhưng không có kết quả. Chị H và anh TA đã cùng nộp đơn ly hôn lên Tòa án nhân dân quận Hải An vào năm 2019, sau đó vì muốn có thêm cơ hội để thay đổi nên anh chị đã rút đơn về nhưng không cải thiện được tình trạng mâu thuẫn. Trên thực tế, anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt của đời sống.

Chị H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì do mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn và bản thân chị không còn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Ngô TA để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung Ngô Thái S, S ngày 31/12/2012.

Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, chị đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh TA để làm rõ về mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống cũng như ý kiến của cá nhân anh đối với các vấn đề hôn nhân, con chung và tài sản chung nhưng anh TA đều vắng mặt và không đưa ra quan điểm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định

pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Yêu cầu về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Ngô TA cư trú tại địa chỉ: Số 62 NGT, phường CBI, quận HA, Hải Phòng; do đó, Tòa án nhân dân quận Hải An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Ngô TA mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của anh TA tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Ngô TA kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cát Bi, quận Hải An, Hải Phòng vào năm 2012. Như vậy, việc kết hôn giữa chị H và anh TA tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ xác minh mâu thuẫn cũng như tình trạng hôn nhân giữa anh chị thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng phát S và kéo dài được một thời gian. Nguyên nhân chính là do bất đồng về kinh tế cũng như tình cảm khiến vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra bất đồng. Gia đình hai bên cũng đã nhiều lần hòa giải; bản thân anh chị cũng đã cố gắng nhẫn nhịn, hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả; hiện nay anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh TA để làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn cũng như tiến hành hòa giải, tuy nhiên anh đều vắng mặt không có lý do. Điều đó cũng thể hiện anh TA không còn thực sự quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng của chị H, không mong muốn vợ chồng có cơ hội hòa giải về đoàn tụ. Quá trình giải quyết, Tòa án cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để anh chị có thêm cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Xét thấy, mâu

thuần giữa chị H và anh TA đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn do đó theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Con chung Ngô Thái S, S ngày 31/12/2012 hiện đang sống cùng chị H. Cháu S có nguyện vọng được ở với mẹ khi anh chị ly hôn. Điều kiện S hoạt và học tập của cháu hiện ổn định do đó, để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu, HĐXX xét thấy cần thiết giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Yêu cầu của chị H về việc nuôi dưỡng con chung là có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Ngô TA.

- Về con chung:

Giao con chung Ngô Thái S, S ngày 31/12/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra vấn đề giải quyết.
- Về tài sản chung: Không đặt ra vấn đề giải quyết.
- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị H đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu số 0005652 ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An.

- Về quyền kháng cáo:

Chị H, anh TA có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- UBND phường Cát Bi, quận Hải An, HP;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Cường

